

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ Y TẾ**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI - BỘ Y TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**Quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc
không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai
hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi**

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế và Nghị định số 22/2010/NĐ-CP ngày 09/3/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định các điều kiện lao động có hại và danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức (sau đây gọi tắt là cơ sở lao động) và cá nhân có sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, bao gồm:

a) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang nhân dân (lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân), tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác;

b) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

- c) Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã;
- d) Các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế có trụ sở đóng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- đ) Các cá nhân, tổ chức khác có sử dụng lao động nữ.

Điều 2. Các điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ

1. Nơi làm việc có áp suất lớn hơn áp suất khí quyển.
2. Nơi làm việc cheo leo nguy hiểm.
3. Ngâm mình thường xuyên dưới nước (từ 04 giờ một ngày trở lên, trên 3 ngày 1 tuần).
4. Nặng nhọc quá sức (mức tiêu hao năng lượng trung bình trên 5 Kcal/phút, nhịp tim trung bình trên 120/phút).
5. Tiếp xúc với nguồn phóng xạ hờ.

Điều 3. Các điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi

Ngoài những điều kiện lao động có hại quy định tại Điều 2 Thông tư này, không được sử dụng lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi trong các điều kiện sau:

1. Tiếp xúc với điện từ trường quá giới hạn cho phép;
2. Trực tiếp tiếp xúc với một số hóa chất mà sự tích lũy của nó trong cơ thể dễ gây biến đổi gen hoặc ảnh hưởng xấu đến chuyển hóa tế bào, dễ gây xảy thai, đẻ non, nhiễm trùng nhau thai, khuyết tật bẩm sinh, ảnh hưởng xấu tới nguồn sữa mẹ, viêm nhiễm đường hô hấp;
3. Ngâm mình dưới nước bẩn, dễ bị nhiễm trùng;
4. Nhiệt độ không khí trong nhà xưởng từ 40⁰C trở lên về mùa hè và từ 32⁰C trở lên về mùa đông hoặc chịu ảnh hưởng của bức xạ nhiệt cao;
5. Trong môi trường lao động có độ rung cao hơn tiêu chuẩn cho phép; sử dụng các loại máy, thiết bị có độ rung toàn thân và rung cục bộ cao hơn tiêu chuẩn cho phép;
6. Tư thế làm việc gò bó hoặc thiếu dưỡng khí.

Điều 4. Danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi

Danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cơ sở lao động và cá nhân sử dụng lao động có trách nhiệm:

a) Rà soát lại các công việc lao động nữ đang làm dựa theo các điều kiện lao động có hại, các công việc không được sử dụng lao động nữ quy định tại Thông tư này. Trên cơ sở đó, có kế hoạch sắp xếp, đào tạo lại hoặc chuyển nghề, chuyển công việc phù hợp với sức khỏe của lao động nữ;

b) Không để lao động nữ làm việc trong các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ chậm nhất 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, nhưng không được lạm dụng để sa thải hoặc cho lao động nữ thôi việc. Riêng phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì phải thực hiện ngay kể từ ngày Thông tư có hiệu lực; báo cáo kết quả triển khai về Sở lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Y tế địa phương.

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Thông tư này định kỳ 6 tháng và hàng năm cùng với việc sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động tại cơ sở.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Y tế, Liên đoàn Lao động địa phương thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này tại các cơ sở sử dụng lao động nữ;

b) Tăng cường thanh tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

c) Tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hàng năm về tình hình thực hiện Thông tư này cùng với tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động của các cơ sở đóng trên địa bàn.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2012.

2. Bãi bỏ thông tư Liên bộ số 03/TT-LB ngày 28 tháng 01 năm 1994 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Y tế về quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ Y TẾ
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỨ TRƯỞNG

Bùi Hồng Lĩnh

Phụ lục**DANH MỤC CÔNG VIỆC KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NỮ***(Kèm theo Thông tư liên tịch số 40/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT**ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế)***I. ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ LAO ĐỘNG NỮ**

1. Trực tiếp nấu chảy và rót kim loại nóng chảy ở các lò:
 - 1.1. Lò điện hồ quang từ 0,5 tấn trở lên
 - 1.2. Lò quy bilo (luyện gang)
 - 1.3. Lò bằng (luyện thép)
 - 1.4. Lò cao.
2. Cán kim loại nóng (trừ kim loại màu).
3. Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc).
4. Đốt lò luyện cốc.
5. Hàn trong thùng kín, hàn ở vị trí có độ cao trên 10m so với mặt sàn công tác.
6. Đào lò giếng.
7. Đào lò và các công việc trong hầm lò.
8. Khoan thăm dò, khoan nổ mìn bắn mìn.
9. Cậy bẫy đá trên núi.
10. Lắp đặt giàn khoan trên biển.
11. Khoan thăm dò giếng dầu và khí.
12. Làm việc ở giàn khoan trên biển (trừ phục vụ y tế - xã hội).
13. Sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.
14. Bảo dưỡng, sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.
15. Bảo dưỡng, lắp dựng, sửa chữa cột cao qua sông, cột ăngten.
16. Làm việc trong thùng chìm.
17. Trực tiếp căn chỉnh trong thi công tấm lớn hoặc cấu kiện lớn bằng phương pháp thủ công.
18. Trực tiếp đào giếng, thi công hoàn thiện giếng bằng phương pháp thủ công.
19. Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40 cm bằng phương pháp thủ công.
20. Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa)
21. Lái máy thi công hạng nặng có công suất lớn hơn 36 mã lực như: máy xúc, máy gạt ủi, xe bánh xích (trừ các máy có hỗ trợ thủy lực).